

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2018/HS-ST.

Ngày: 06- 6- 2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thúy Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Khuôn.

2. Ông Lê Văn Cư.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:* Ông Vũ Đức Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 48/2018/HSST ngày 14/3/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2018/HSST-QĐ ngày 13/4/2018; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa ngày 23/4/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2018/HSST-QĐ ngày 11/5/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2018/HSST-QĐ ngày 23/5/2018 đối với các bị cáo:

1. Lê Văn C, sinh năm: 1976 tại Hải Dương; ĐKKHKT: Số 643 Lê Thanh Nghị, phường Lê Thanh Nghị, thành phố H, tỉnh Hải Dương; chỗ ở: số 298 đường Thanh Niên, phường Hải Tân, thành phố H, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn T, sinh năm: 1939 và bà: Vũ Thị D, sinh năm: 1947; vợ: chị Hồ Thị H, sinh năm: 1992 và 01 con - sinh năm: 2014; tiền án, tiền sự: không; biện pháp ngăn chặn: Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/11/2017, chuyển tạm giam từ ngày 02/12/2017 đến nay tại Trại tạm giam Kim Chi- Công an tỉnh Hải Dương. Có mặt tại phiên tòa.

2. Phạm Hữu C, sinh năm: 1990 tại Hải Dương; ĐKKHKT và chỗ ở: thôn Thanh Liễu, xã Tân Hưng, thành phố H, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Hữu T, sinh năm: 1963 và bà: Đỗ Thị L, sinh năm: 1965; vợ: chị Chữ Thị Kim D, sinh năm: 1991 và 01

con - sinh năm: 2014; tiền án, tiền sự: không; biện pháp ngăn chặn: Bị cáo bị tạm giam từ ngày 07/12/2017 đến nay tại Trại tạm giam Kim Chi- Công an tỉnh Hải Dương. Có mặt tại phiên tòa.

3. Lê Minh L, sinh năm: 1988 tại Hải Dương; ĐKHKTT và chỗ ở: thôn Tân Thượng, xã Liên Hồng, huyện Gia L, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn B, sinh năm: 1953 và bà: Tăng Thị L, sinh năm: 1957; vợ: chị Đỗ Thị H- sinh năm: 1990 và 02 con: lớn - sinh năm: 2009, nhỏ - sinh năm: 2011; tiền án, tiền sự: không; biện pháp ngăn chặn: Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/11/2017, chuyển tạm giam từ ngày 02/12/2017 đến nay tại Trại tạm giam Kim Chi- Công an tỉnh Hải Dương. Có mặt tại phiên tòa.

4. Vũ Đức G, sinh năm: 1980; ĐKHKTT: thôn Dương Xá, xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương và chỗ ở: số 132 Mạc Đĩnh Chi, phường Lê Thanh Nghị, thành phố H, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vũ Đức K, sinh năm: 1949 và bà: Nguyễn Thị V, sinh năm: 1954; vợ: chị Vũ Thị H- sinh năm: 1983 và 02 con: lớn - sinh năm: 2002, nhỏ - sinh năm: 2012; tiền án: không; tiền sự: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 01 ngày 01/9/2017 của Công an xã Tráng Liệt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xử phạt cảnh cáo đối với Vũ Đức G về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; biện pháp ngăn chặn: Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/11/2017, chuyển tạm giam từ ngày 02/12/2017 đến nay tại Trại tạm giam Kim Chi- Công an tỉnh Hải Dương. Có mặt tại phiên tòa.

5. Trần Văn D, sinh năm: 1995 tại Đắc Lắc; ĐKHKTT: phường Thiện An, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắc Lắc và chỗ ở: số 132 Mạc Đĩnh Chi, phường Lê Thanh Nghị, thành phố H, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn C, sinh năm: 1970 và bà: Vũ Thị M, sinh năm: 1974; bị cáo chưa có vợ; tiền án, tiền sự: không; biện pháp ngăn chặn: Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/11/2017, chuyển tạm giam từ ngày 02/12/2017 đến nay tại Trại tạm giam Kim Chi- Công an tỉnh Hải Dương. Có mặt tại phiên tòa.

6. Phạm Văn T, sinh năm: 1995 tại Hải Dương; ĐKHKTT và chỗ ở: thôn Thanh Liễu, xã Tân Hưng, thành phố H, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn O, sinh năm: 1970 và bà: Nguyễn Thị C, sinh năm: 1972; bị cáo chưa có vợ; tiền án: không; nhân thân: ngày 12/12/2017, bị cáo bị Công an huyện Ninh Giang xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.000.000 đồng về hành vi Trộm cắp tài sản; biện pháp ngăn chặn: Bị cáo bị tạm giam từ ngày 09/02/2018 đến nay tại Trại tạm giam Kim Chi- Công an tỉnh Hải Dương theo Lệnh bắt bị can để tạm giam số 335

ngày 05/02/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố H. Có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại:** Anh **Nguyễn Văn Lo**, sinh năm: 1992.

Trú tại: thôn Gia Bùi, xã Gia Khánh, huyện Gia L, tỉnh Hải Dương.
Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

- **Người có quyền lợi liên quan:** Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm: 1958.

Trú tại: thôn Gia Bùi, xã Gia Khánh, huyện Gia L, tỉnh Hải Dương.
Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

- **Người làm chứng:**

+ Anh **Ty Văn T**, sinh năm: 1998.

Trú tại: thôn Gia Bùi, xã Gia Khánh, huyện Gia L, tỉnh Hải Dương.
Vắng mặt tại phiên tòa.

+ Anh **Tăng Văn V**, sinh năm: 1996.

Trú tại: thôn Đồng Bào, xã Gia Xuyên, huyện Gia L, tỉnh Hải Dương.
Vắng mặt tại phiên tòa.

+ Anh **Tăng Văn T**, sinh năm: 1991.

Trú tại: thôn Tân Thượng, xã Liên Hồng, huyện Gia L, tỉnh Hải Dương.
Vắng mặt tại phiên tòa.

+ Ông **Đào Văn T**, sinh năm: 1964.

Trú tại: thôn Bì Đỗ, xã Cổ Bì, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.
Vắng mặt tại phiên tòa.

+ Anh **Nguyễn Văn N**, sinh năm: 1979.

Trú tại: thôn Thanh Liễu, xã Tân Hưng, thành phố H, tỉnh Hải Dương.
Vắng mặt tại phiên tòa.

+ Anh **Đỗ Văn Ng**, sinh năm: 1990.

Trú tại: thôn Bảo Thái, xã Tân Hưng, thành phố H, tỉnh Hải Dương.
Vắng mặt tại phiên tòa.

+ Anh **Lê Đắc Tô**, sinh năm: 1994.

Trú tại: thôn Tiên Lâm, xã Ngũ Hùng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn C và Phạm Hữu C, Lê Minh L, Phạm Văn T quen biết nhau từ trước, Vũ Đức G, Trần Văn D hiện là nhân viên tại xưởng sửa chữa ô tô của Chung ở số 298 đường Thanh Niên, phường Hải Tân, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Ngày 10/11/2016, anh Nguyễn Văn Lo, sinh năm 1992, ở thôn Gia Bùi, xã Gia Khánh, huyện Gia L, tỉnh Hải Dương có vay của Lê Văn C số tiền 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*) hẹn đến năm 2017 sẽ trả cho Chung. Đến thời hạn, không thấy anh Long trả tiền, biết anh Long đang ở phòng trọ tại xã

Tân Hồng, huyện Bình G, tỉnh Hải Dương, chiều ngày 23/11/2017, C gặp và bảo Cg tìm đưa anh Lo về để C đòi tiền, C đồng ý. Tiếp đó, C gọi điện thoại cho G, D còn C gọi điện thoại cho ML bảo tới đến xưởng sửa chữa ô tô gặp C. Khoảng 19h00' cùng ngày, khi ML, Cg, G, D đến, C nói việc anh Lo nợ tiền C nhưng chưa trả và bảo C, ML, D, G đến phòng trọ của anh Lo ở xã Tân Hồng, huyện Bình G đưa anh Lo về gặp C để đòi tiền, cả nhóm đồng ý, rồi ML gọi điện thoại yêu cầu 02 xe ô tô taxi của hãng Thành Đông đến đưa cả nhóm đi. Khi đó, C ở nhà, C và D đi 01 xe taxi đến đón và bảo với T mang theo 01 (một) phóng lợn (loại dao bầu gắn tuýp sắt) cùng đi tìm đưa anh Lo về cho C để đòi tiền còn M L và G đi 01 xe taxi mang theo 01 túi vải màu xanh bên trong có 03 tuýp sắt, 01 phóng lợn, 01 kiếm tự chế. Trên đường đi, M L rủ bạn Tăng Văn T ở thôn Tăng Thượng, xã Liên Hồng, huyện Gia L, Đào Văn T ở xã Cổ Bì, huyện Bình Giang cùng bạn Tuấn là Phạm Văn Ngân, Tài, Nguyễn (không xác định họ, tuổi, địa chỉ) đi chơi cùng nhưng không trao đổi việc đi tìm bắt anh Lo về để đòi tiền. Khi đi, T và N ngồi cùng xe ô tô taxi với M L còn Tuấn, Tài, Nguyễn điều khiển xe mô tô đi theo sau. Khoảng 20h20 phút cùng ngày, cả nhóm đi đến nơi, M L, C, G, D, T mang theo phóng lợn đi vào phòng trọ tìm anh Lo còn T, Tuấn, Ngân, Tài, Nguyễn cùng với 02 lái xe taxi là anh Lê Đắc T, anh Đỗ Văn Ng đứng ở bên ngoài. Thấy anh Lo đang ở trong phòng cùng với bạn là anh Ty Văn T, sinh năm 1998 và anh Tăng Văn V, sinh năm 1996 đều ở huyện Gia L, tỉnh Hải Dương, Cg hỏi anh Lo về việc nợ tiền của C, anh Lo nói chưa có và hẹn sẽ trả sau, C bảo anh Lo đi theo nhóm C về gặp C, anh Lo không đồng ý nên Cg giơ tay ra hiệu để ML, D, G, T xông vào túm áo, kéo, đẩy anh Lo ra khỏi phòng. Thấy vậy, anh T, anh V xông vào can ngăn nên M L cầm phóng lợn chỉ về phía anh T, anh V đe dọa: “chúng mày có thích can không?” làm anh T, anh V sợ không dám vào can ngăn mà để C, M L, D, G, T kéo anh Lo ra khỏi phòng, đẩy vào ghế sau xe ô tô taxi đưa về thành phố H. Thấy vậy, Tuấn, Tài, Nguyễn điều khiển xe mô tô đi về xã Cổ Bì, huyện Bình G, tỉnh Hải Dương. Khi xe ô tô đi đến khu vực xã Tân Hưng, thành phố H, do còn nợ tiền và không muốn gặp C nên T xuống xe đi về trước. Khoảng 21h30 phút cùng ngày, Cường gọi điện thoại báo cho Chung biết đã tìm được anh Long và đang đưa đến xưởng sửa chữa ô tô của Chung. Tại đây, Cường nói với Chung: “ em giao lại thằng Long cho anh” rồi Cường đi về còn Chung, Minh Long, Giang, Dương đưa anh Long vào trong xưởng, dùng chân, tay đánh bắt anh Long phải viết giấy nhận nợ số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) đã vay từ trước rồi yêu cầu anh Lo phải gọi điện thoại về cho gia đình mang tiền đến trả nợ thì sẽ cho về. Do sợ hãi, anh Lo đã gọi điện thoại cho ông Nguyễn Văn T (bố đẻ anh Lo) thông báo và bảo ông T mang tiền đến trả nợ cho C. Đến khoảng 23h30 phút cùng ngày, ông T đến xưởng sửa chữa ô tô gặp và trả trước cho C số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng), số tiền còn lại sẽ trả sau thì tổ công tác thuộc cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an thành phố H trong khi làm nhiệm vụ đã phát hiện bắt quả tang, thu giữ 01 giấy vay nợ tiền đề ngày 10/11/2016 có nội dung

vay số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng); số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng); 01 túi vải màu xanh, bên trong có 03 thanh kim loại dạng ống dài 50 cm, 01 thanh kim loại dạng ống dài 60cm, 01 đầu gắn dao nhọn (dạng dao bầu), 01 kiếm tự chế dài 80cm. Đến ngày 25/11/2017 và ngày 27/01/2018, **Phạm Hữu C** và **Phạm Văn T** đã đến cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố H đầu thú và tự nguyện giao nộp 01 phóng lộn tự chế dài khoảng 80cm.

Ngày 24/11/2017, anh **Nguyễn Văn Lo** có đơn trình báo cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố H.

Vật chứng thu giữ: 01 điện thoại di động Nokia TA- 1010 màu xanh; 01 điện thoại di động Nokia 105 màu đen của **Lê Văn C**; 01 điện thoại di động Iphone 5s màu vàng; 01 điện thoại di động Nokia RM- 1133 màu đen của **Lê Minh L**; 01 điện thoại di động Iphone 6 màu vàng của **Trần Văn D**; 01 túi vải màu xanh dài 80cm, rộng 12cm, có 01 quai xách màu đen, in chữ JIAFAUMBRELLACOLTD; 01 thanh kim loại dạng ống dài 50cm, đường kính 05cm; 02 thanh kim loại dạng ống dài 50cm, đường kính 03cm; 01 thanh kim loại dạng ống dài 60cm, đường kính 02cm, một đầu có gắn dao bầu bản rộng 04cm; 01 thanh kiếm dài 80cm, có lưỡi kiếm bằng kim loại dài 40cm bản rộng 04cm, cán dài 40cm dán băng dính màu đen; 01 dao phóng lộn tự chế bằng kim loại dài 80cm, cán dao làm bằng ống tuýp sắt phi 3,4cm, dài 60cm, màu trắng bạc; lưỡi dao dài 20cm, mũi nhọn, màu trắng bạc, có khắc chữ “Made in Thailan”. Hiện số vật chứng trên đang được quản lý, chờ xử lý theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự:

Anh **Nguyễn Văn Lo** có đơn đề nghị từ chối giám định tỷ lệ thương tật đối với những vết thương xây sát ngoài da do bị **C** và đồng phạm dùng chân, tay đánh và không yêu cầu bồi thường trách nhiệm dân sự.

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố H đã trả lại cho ông **Nguyễn Văn T** số tiền 2.000.000 đồng, ông **T** đã nhận lại tiền và không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội và xác định cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố đối với các bị cáo về tội danh trên là đúng.

Bị hại anh **Nguyễn Văn Lo** có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, không yêu cầu bồi thường về trách nhiệm dân sự và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người có quyền lợi liên quan ông **Nguyễn Văn T** cũng có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, trình bày đã nhận được số tiền 2 triệu đồng, không yêu cầu các bị cáo bồi thường về trách nhiệm dân sự.

Tại Cáo trạng số: 61/CT-VKSTPHD ngày 12 tháng 3 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố các bị cáo **Lê Văn C**, **Phạm Hữu C**, **Lê**

Minh L, Vũ Đức G, Trần Văn D và Phạm Văn T về tội: “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 169 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố: các bị cáo Lê Văn C, Phạm Hữu C, Lê Minh L, Vũ Đức G, Trần Văn D và Phạm Văn T phạm tội: “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản”.

Về hình phạt:

Áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 169; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: bị cáo Lê Văn C từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 23/11/2017.

Áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 169; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: bị cáo Phạm Hữu C từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 07/12/2017.

Xử phạt: bị cáo Lê Minh L từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 23/11/2017.

Xử phạt: bị cáo Vũ Đức G từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 23/11/2017.

Xử phạt: bị cáo Trần Văn D từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 23/11/2017.

Xử phạt: bị cáo Phạm Văn T từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 09/02/2018.

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: đã giải quyết xong nên không phải giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động Nokia TA-1010 màu xanh; 01 điện thoại di động Nokia 105 màu đen của Lê Văn C; 01 điện thoại di động Iphone 5s màu vàng; 01 điện thoại di động Nokia RM-1133 màu đen của Lê Minh L; 01 điện thoại di động Iphone 6 màu vàng của Trần Văn D; tịch thu tiêu hủy 01 túi vải màu xanh dài 80cm, rộng 12cm, có 01 quai xách màu đen, in chữ JIAFAUMBRELLACOLTD; 01 thanh kim loại dạng ống dài 50cm, đường kính 05cm; 02 thanh kim loại dạng ống dài 50cm, đường kính 03cm; 01 thanh kim loại dạng ống dài 60cm, đường kính 02cm, một đầu có gắn dao bầu bản rộng 04cm; 01 thanh kiếm dài 80cm, có lưỡi kiếm bằng kim loại dài 40cm bản rộng 04cm, cán dài 40cm dán băng dính màu đen; 01 dao phóng lợn tực chế bằng kim loại dài 80cm, cán dao làm bằng ống tuýp sắt phi 3,4cm, dài 60cm, màu trắng bạc; lưỡi dao dài 20cm, mũi nhọn, màu trắng bạc, có khắc chữ “Made in Thailan” (theo Biên bản giao,

nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an thành phố H và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H ngày 10/4/2018).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016, buộc các bị cáo Lê Văn C, Phạm Hữu C, Lê Minh L, Vũ Đức G, Trần Văn D và Phạm Văn T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo nói lời sau cùng: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, với biên bản bắt giữ người phạm tội quả tang, lời khai của bị hại; lời khai của người có quyền lợi liên quan, người làm chứng, vật chứng thu giữ, biên bản nhận dạng và các tài liệu điều tra khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Do anh Nguyễn Văn Lo nợ Lê Văn C số tiền 20.000.000 đồng không trả, Chung đã bảo Phạm Hữu C, Lê Minh L, Vũ Đức G, Trần Văn D và Phạm Văn T tìm đưa anh Long về để đòi tiền. Khoảng 20h20 phút ngày 23/11/2017, tại phòng trọ của anh Long ở xã Tân Hồng, huyện Bình G, tỉnh Hải Dương, Phạm Hữu C, Lê Minh L, Vũ Đức G, Trần Văn D và Phạm Văn T dùng 01 phồng lợn (loại tuýp sắt gắn dao bầu) dài 80cm đe dọa bắt anh Long lên xe ô tô taxi đưa về giữ trái phép tại xưởng sửa chữa ô tô của C ở số 298 đường Thanh Niên, phường H, thành phố H mục đích đòi nợ. Tại đây, C cùng đồng phạm dùng chân tay, đánh bắt anh Lo phải viết giấy nhận nợ số tiền 20.000.000 đồng rồi gọi điện thoại cho gia đình đến trả nợ. Đến khoảng 23h30 phút cùng ngày, khi ông Nguyễn Văn T (bố đẻ của anh Long) mang số tiền 2.000.000 đồng đến trả cho C thì tổ công tác thuộc cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố H phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng. Trị giá số tiền chiếm đoạt là 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*). Các bị cáo đã có hành vi bắt anh Lo về xưởng sửa chữa ô tô của C làm con tin nhằm buộc bố đẻ anh Lo là ông T phải giao số tiền 20 triệu đồng cho các bị cáo thì mới thả cho anh Lo về. Căn cứ vào tiểu mục 2.2 mục 2 phần I Nghị quyết số 02 ngày

17/4/2003 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn: “ phương tiện nguy hiểm là công cụ, dụng cụ được chế tạo ra nhằm phục vụ cho cuộc sống của con người (trong sản xuất, trong sinh hoạt) hoặc vật mà người phạm tội chế tạo ra nhằm làm phương tiện thực hiện tội phạm hoặc vật có sẵn trong tự nhiên mà người phạm tội có được và nếu sử dụng công cụ, dụng cụ hoặc vật đó tấn công người khác thì sẽ gây nguy hiểm đến tính mạng hoặc sức khỏe của người bị tấn công.

a) Về công cụ, dụng cụ: búa đinh, dao phay, các loại dao sắc, nhọn.

b) Về vật mà người phạm tội chế tạo ra: thanh sắt mài nhọn, côn gỗ”.

Trong vụ án này, các bị cáo đã dùng 01 phóng lợn là loại dao giống dao bầu gắn với tuýp sắt là vật sắc, nhọn do con người tự chế tạo ra. Nếu sử dụng sẽ gây nguy hiểm đến tính mạng hoặc sức khỏe của người bị tấn công. Như vậy, các bị cáo đã dùng 01 phóng lợn là phương tiện nguy hiểm đe dọa bắt anh Long lên xe ô tô taxi đưa về giữ trái phép tại xưởng sửa chữa ô tô của Chung ở số 298 đường Thanh Niên, phường H, thành phố H mục đích đòi nợ nên hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản” và bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố theo điểm c khoản 2 Điều 169 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố các bị cáo về tội danh trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của anh Lo và tài sản là tiền của ông T (bố đẻ của anh Lo) gây mất an ninh, trật tự tại địa phương, gây dư luận xấu, hoang mang trong xã hội. Các bị cáo đều là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng với mục đích tư lợi nên các bị cáo vẫn cố ý bắt giữ anh Long trái phép nhằm mục đích chiếm đoạt số tiền 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*). Hành vi của các bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật nên cần có mức hình phạt nghiêm trọng xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, buộc các bị cáo phải cách ly khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng răn đe, giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

[4] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và vai trò của từng bị cáo trong vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng: xuất phát từ việc anh Long nợ tiền của bị cáo C và nếu anh Lo có trách nhiệm và trả tiền cho bị cáo C đúng hạn thì sẽ không có việc bị cáo C và đồng phạm có hành vi vi phạm pháp luật đối với anh Lo như vậy. Trong vụ án này, các bị cáo hiểu ý và đều có mục đích chiếm đoạt tiền của anh Lo. Để đạt được mục đích chiếm đoạt tiền của anh Lo, các bị cáo đã bắt giữ anh Lo trái phép và chiếm đoạt tiền của ông Túc là bố đẻ anh Lo. Các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội nhưng không có sự phân công nhiệm vụ hoặc câu kết chặt chẽ với nhau nên chỉ là đồng phạm giản đơn. Đồng thời cần xem xét hành vi, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của từng bị cáo để có căn cứ áp dụng mức hình phạt

đôi với từng bị cáo cho phù hợp. Bị cáo C vừa là người đề xuất việc bắt anh Lo đưa về xưởng của bị cáo và yêu cầu người thân của anh phải nộp số tiền 20 triệu đồng trả cho bị cáo thì các bị cáo mới cho anh Lo về, vừa trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội được các bị cáo khác hưởng ứng. Bị cáo trực tiếp bảo C tìm đưa anh Lo về để đòi tiền, gọi điện thoại cho G, D đến xưởng gặp bị cáo, bảo mọi người đến phòng trọ của anh Lo đưa anh Lo về gặp bị cáo đòi tiền. C cùng đồng bọn đưa anh Lo vào xưởng rồi dùng chân tay đánh, bắt anh Lo phải viết giấy nhận nợ số tiền 20 triệu đồng đã vay trước rồi yêu cầu anh Lo gọi điện thoại cho gia đình mang tiền đến trả thì sẽ cho về, trực tiếp nhận số tiền 02 triệu đồng của ông T. Do đó, bị cáo có vai trò cao hơn các bị cáo khác và giữ vai trò chính trong vụ án. Các bị cáo khác đều hưởng ứng việc bị cáo C đề xuất. Bị cáo Cg giữ vai trò thứ hai trong vụ án, là người điện thoại cho bị cáo M L đến xưởng gặp C, C cùng D đi xe đến đón và bảo bị cáo T mang theo một phóng lợn, cả năm bị cáo cùng mang theo phóng lợn vào phòng trọ tìm anh Lo. C hỏi anh Lo về việc nợ tiền C, bắt anh Lo đi theo nhóm về gặp C, anh Lo không đồng ý nên C giơ tay ra hiệu để M L, D, G, T xông vào túm áo, kéo đẩy anh Lo ra khỏi phòng, điện thoại báo C biết đã tìm được Lo và đưa đến xưởng của C, giao Lo cho C. Người giữ vai trò thứ ba trong vụ án là bị cáo M L. Bị cáo M L điện thoại yêu cầu hai xe ô tô taxi của hãng Thành Đông đến đưa cả nhóm đi. ML và Gg đi một xe taxi mang theo một túi vải màu xanh, bên trong có 03 tuýp sắt, 01 phóng lợn, 01 kiếm tự chế, rủ bạn Tăng Văn T cùng Đào Văn T và những người khác đi cùng nhưng không trao đổi việc bắt anh Lo. M L cầm phóng lợn chỉ về phía anh Tiến, anh Vũ đe dọa làm anh Tiến, anh Vũ sợ không dám can ngăn để cả bọn kéo anh Lo ra khỏi phòng trọ, đẩy vào ghế sau xe ô tô đưa về xưởng của C, bắt anh Lo phải gọi gia đình mang tiền đến trả. G cùng M L đi xe taxi mang theo một túi vải màu xanh, bên trong có 03 tuýp sắt, 01 phóng lợn, 01 kiếm tự chế. Bị cáo G có vai trò thứ tư trong vụ án, cùng bốn bị cáo khác mang theo phóng lợn vào phòng trọ tìm Lo, cùng kéo đẩy, bắt anh Lo ra khỏi phòng, cùng đưa anh Lo về xưởng, bắt gọi điện thoại về cho gia đình mang tiền đến mới cho về. Vai trò sau cùng trong vụ án là bị cáo D và T. D cùng các bị cáo, trừ bị cáo C, mang theo phóng lợn vào phòng trọ tìm anh Lo, cùng đồng bọn vào túm áo, kéo đẩy anh Lo ra khỏi phòng, đưa anh Lo về xưởng, bắt anh Lo gọi điện thoại về cho gia đình. T cùng mọi người mang theo phóng lợn vào phòng trọ tìm anh Lo, cùng đồng bọn xông vào túm áo, kéo đẩy anh Lo ra khỏi phòng. Đến khu vực xã Tân H, Th xuống xe đi về trước nhưng T có nhân thân xấu hơn D nên xác định vai trò của D và T là như nhau.

Xét các bị cáo đều có nhân thân tốt, trừ bị cáo G có một tiền sự: ngày 01/9/2017, bị cáo bị Công an xã Tráng Liệt, huyện Bình G, tỉnh Hải Dương xử phạt cảnh cáo về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và bị cáo T có nhân thân xấu: ngày 12/12/2017, bị cáo bị công an huyện Ninh G xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản (hành vi này của bị cáo G bị xử phạt vi phạm hành chính được thực hiện sau hành vi bắt cóc nhằm chiếm đoạt

tài sản). Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo bị truy tố, xét xử theo điểm c khoản 2 Điều 169 Bộ luật hình sự với tình tiết định khung hình phạt là dùng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác với số tiền các bị cáo nhằm chiếm đoạt là 20 triệu đồng nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị hại anh Lo có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; bị cáo C và T đầu thú; bố, mẹ đẻ của bị cáo Chung được Nhà nước tặng Huân, Huy chương kháng chiến; bố đẻ bị cáo G được Nhà nước tặng Huy chương kháng chiến nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét giữa bị cáo C và bị hại anh Lo có việc cho vay nợ là thật, đến nay, anh Lo vẫn nợ bị cáo C số tiền 20 triệu đồng mà chưa trả được. Do các bị cáo đều là những người có mối quan hệ tình cảm với bị cáo C, là những người làm thuê cho bị cáo C, bị cáo C đã đòi anh Lo trả nợ tiền cho mình nhiều lần nhưng anh Lo không trả lại bị cáo đã gây bức xúc cho bị cáo. Mặt khác, do nhận thức của các bị cáo không đúng nên các bị cáo đã có hành vi xử sự không phù hợp dẫn đến vi phạm pháp luật. Mặt khác, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo C, Lo, G, D và T được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, trong đó có hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên có thể quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng nhưng phải trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn đối với các bị cáo này. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo thể hiện sự nhân đạo của pháp luật là phù hợp với Điều 54 Bộ luật hình sự.

[5] Đối với các anh Lê Đắc T, Đỗ Văn Ng là 02 lái xe taxi hãng Thành Đông; Tăng Việt T, Đào Văn T, Phạm Văn N, Lê Đắc T và 02 đối tượng tên Tài, Nguyên (không xác định được họ, tuổi, địa chỉ) cùng đi nhưng không biết mục đích, không được trao đổi và không tham gia vào việc tìm đưa anh Nguyễn Văn Lo về để Lê Văn C đòi nợ nên không có căn cứ xử lý.

[6] *Về hình phạt bổ sung*: Xét các bị cáo không có thu nhập ổn định và không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] *Về trách nhiệm dân sự*:

Anh Nguyễn Văn Lo có đơn đề nghị từ chối giám định tỷ lệ thương tật đối với những vết thương xây sát ngoài da do bị Chung và đồng phạm dùng chân, tay đánh; ông Nguyễn Văn T đã nhận lại số tiền 2.000.000 đồng; anh Long và ông Túc không yêu cầu bồi thường trách nhiệm dân sự nên không đặt ra giải quyết.

[8] *Về xử lý vật chứng*: đối với 01 điện thoại di động Nokia TA- 1010 màu xanh; 01 điện thoại di động Nokia 105 màu đen của Lê Văn C; 01 điện

thoại di động Iphone 5s màu vàng; 01 điện thoại di động Nokia RM- 1133 màu đen của Lê Minh L; 01 điện thoại di động Iphone 6 màu vàng của Trần Văn D là phương tiện các bị cáo liên lạc với nhau để thực hiện hành vi phạm tội cần tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước. Đối với 01 túi vải màu xanh dài 80cm, rộng 12cm, có 01 quai xách màu đen, in chữ JIAFAUMBRELLACOLTD; 01 thanh kim loại dạng ống dài 50cm, đường kính 05cm; 02 thanh kim loại dạng ống dài 50cm, đường kính 03cm; 01 thanh kim loại dạng ống dài 60cm, đường kính 02cm, một đầu có gắn dao bầu bản rộng 04cm; 01 thanh kiếm dài 80cm, có lưỡi kiếm bằng kim loại dài 40cm bản rộng 04cm, cán dài 40cm dán băng dính màu đen là vật không có giá trị, không sử dụng được; 01 dao phóng lợn tịt chế bằng kim loại dài 80cm, cán dao làm bằng ống tuýp sắt phi 3,4cm, dài 60cm, màu trắng bạc; lưỡi dao dài 20cm, mũi nhọn, màu trắng bạc, có khắc chữ “Made in Thailand” là phương tiện phạm tội thì tịch thu cho hủy bỏ theo quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[9] *Về án phí*: Các bị cáo có tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: các bị cáo Lê Văn C, Phạm Hữu C, Lê Minh L, Vũ Đức G, Trần Văn D và Phạm Văn T phạm tội: “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản”.

Về hình phạt:

Áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 169; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: bị cáo Lê Văn C 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 23/11/2017.

Áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 169; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: bị cáo Phạm Hữu C 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 07/12/2017.

Xử phạt: bị cáo Lê Minh L 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 23/11/2017.

Xử phạt: bị cáo Vũ Đức G 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 23/11/2017.

Xử phạt: bị cáo Trần Văn D 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 23/11/2017.

Xử phạt: bị cáo Phạm Văn T 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 09/02/2018.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động Nokia TA-1010 màu xanh; 01 điện thoại di động Nokia 105 màu đen của Lê Văn C; 01

điện thoại di động Iphone 5s màu vàng; 01 điện thoại di động Nokia RM-1133 màu đen của Lê Minh L; 01 điện thoại di động Iphone 6 màu vàng của Trần Văn D; tịch thu tiêu hủy 01 túi vải màu xanh dài 80cm, rộng 12cm, có 01 quai xách màu đen, in chữ JIAFAUMBRELLACOLTD; 01 thanh kim loại dạng ống dài 50cm, đường kính 05cm; 02 thanh kim loại dạng ống dài 50cm, đường kính 03cm; 01 thanh kim loại dạng ống dài 60cm, đường kính 02cm, một đầu có gắn dao bầu bản rộng 04cm; 01 thanh kiếm dài 80cm, có lưỡi kiếm bằng kim loại dài 40cm bản rộng 04cm, cán dài 40cm dán băng dính màu đen; 01 dao phóng lợn tự chế bằng kim loại dài 80cm, cán dao làm bằng ống tuýp sắt phi 3,4cm, dài 60cm, màu trắng bạc; lưỡi dao dài 20cm, mũi nhọn, màu trắng bạc, có khắc chữ “Made in Thailan” (theo Biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an thành phố H và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H ngày 10/4/2018).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016, buộc các bị cáo Lê Văn C, Phạm Hữu C, Lê Minh L, Vũ Đức G, Trần Văn D, Phạm Văn T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự: các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày; người có quyền lợi liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi của họ trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi liên quan;
- VKSNDTP H;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan điều tra Công an thành phố H;
- Cơ quan Thi hành án hình sự;
- Chi cục THADSTP. H;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Thúy Hạnh

